

Số: /TCBC-STP

Cà Mau, ngày tháng năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành
(Quyết định số 142/2026/QĐ-UBND ngày 12/6/2026)

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”. Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành như sau:

1. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành: Quyết định số 142/2026/QĐ-UBND ngày 12/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/6/2026 và thay thế Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) *Sự cần thiết:* Thực hiện Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị và các văn bản có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau là cần thiết.

b) *Mục đích:* Nhằm bảo đảm việc cập nhật, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu được thống nhất, chính xác, an toàn, phục vụ hiệu quả công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

4. Nội dung chủ yếu: Quy chế này quy định việc quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4.1. Đối tượng áp dụng

- Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động (sau đây viết tắt là *CBCCVCLĐ*) trong các cơ quan, đơn vị, địa phương sau:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế (*sau đây gọi chung là sở và tương đương*); các ban, chi cục thuộc sở; Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh (*sau đây gọi chung là chi cục và tương đương*);

- Các ban, phòng, trung tâm thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Các đơn vị sự nghiệp công lập gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở và tương đương; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4.2. Nguyên tắc thực hiện

- Công tác xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh là trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và của CBCCVC-NLĐ; được thực hiện thống nhất, đồng bộ, khoa học, phản ánh đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin của mỗi CBCCVC-NLĐ, kể từ khi được tuyển dụng, ký hợp đồng lao động cho đến khi không còn làm việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành; tập trung tối đa nguồn lực, rút ngắn thời gian trong việc thu thập, chỉnh sửa, cập nhật thông tin CBCCVC-NLĐ trong các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin theo quy định của pháp luật. Việc xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật có liên quan và đảm bảo đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan, đơn vị, địa phương; các quy định về bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Dữ liệu của CBCCVC-NLĐ phải bảo đảm tính cập nhật, chính xác theo quy định của pháp luật. Dữ liệu của CBCCVC-NLĐ được quản lý theo độ hạn chế tiếp cận, mã hóa một số trường thông tin để bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin trong công tác cán bộ. Việc xác định độ hạn chế tiếp cận của dữ liệu thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật về CBCCVC-NLĐ.

- CBCCVC-NLĐ được cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền quản lý theo phân cấp, đồng ý bằng văn bản mới được truy cập, nghiên cứu, sử dụng và khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh theo quy định của pháp luật, trừ thông tin của cá nhân người đó hoặc pháp luật có quy định khác.

- Không cung cấp thông tin qua hình thức văn bản đối với thông tin đã được khai thác qua hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin. Không yêu cầu khai báo lại các thông tin, dữ liệu đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh, trừ trường hợp phục vụ cập nhật hoặc sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra dữ liệu.

- Việc quản lý tài khoản, quản lý mật khẩu, xóa, vô hiệu hóa tài khoản của

CBCCVC-NLĐ theo TCVN 14423:2025 quy định về tiêu chuẩn an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng.

- Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới và theo quy định hiện hành.

4.3. Quản lý Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động

a) Sở Nội vụ là cơ quan chủ trì, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh; chịu trách nhiệm quản trị, vận hành hệ thống, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an toàn, an ninh và bảo mật thông tin; tổ chức việc lưu trữ, sao lưu dữ liệu định kỳ; cấp phát, hạn chế, mở rộng hoặc hủy quyền truy cập tài khoản người dùng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định và phê duyệt ký số dữ liệu của tỉnh để đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp sử dụng CBCCVC-NLĐ có trách nhiệm quản lý tài khoản; tổ chức quản lý, kiểm tra, đôn đốc việc tạo lập và cập nhật thông tin vào dữ liệu của cơ quan, đơn vị mình; thực hiện phê duyệt bằng ký số đối với hồ sơ, dữ liệu mới hoặc dữ liệu có thay đổi, bổ sung của CBCCVC-NLĐ thuộc thẩm quyền quản lý trước khi thực hiện đồng bộ dữ liệu; bảo đảm bí mật, an toàn thông tin tài khoản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

c) Cá nhân CBCCVC-NLĐ có trách nhiệm tự quản lý, bảo mật tài khoản và mật khẩu truy cập cá nhân được cấp, không được tiết lộ hoặc chia sẻ tài khoản cho người khác; thực hiện thay đổi mật khẩu định kỳ và tuân thủ các tiêu chuẩn an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan có thẩm quyền về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu do mình tự cập nhật, điều chỉnh trên hệ thống thông qua tài khoản cá nhân.

4.4. Tạo lập, cập nhật dữ liệu

a) Chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin dữ liệu của Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 06/2023/TT-BNV.

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp sử dụng CBCCVC-NLĐ có trách nhiệm tạo lập tài khoản cá nhân cho CBCCVC-NLĐ và chỉ đạo việc cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh.

c) Cá nhân CBCCVC-NLĐ có trách nhiệm truy cập vào tài khoản của mình đã được cấp để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh; thông tin phải đầy đủ, chính xác theo mẫu sơ yếu lý lịch/mẫu hợp đồng lao động đã được cấp có thẩm quyền quản lý xác nhận; sao lưu dữ liệu và gửi đến người được giao nhiệm vụ quản lý dữ liệu CBCCVC-NLĐ của cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp.

d) Đối với thông tin, dữ liệu của CBCCVC-NLĐ có thay đổi, hiệu chỉnh thì

cá nhân có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh (*tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có thông tin thay đổi*), kèm theo bản số hóa của tài liệu đã được cấp có thẩm quyền xác nhận (*Bản số hóa tài liệu được đính kèm trong Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh là các văn bản kiểm chứng cho nội dung có thay đổi, hiệu chỉnh*).

4.5. Xác thực, phê duyệt dữ liệu

a) Định kỳ trước ngày 25 hằng tháng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc người được ủy quyền, có trách nhiệm phê duyệt bằng ký số trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh những dữ liệu mới, dữ liệu được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung của CBCCVC-NLĐ thuộc thẩm quyền quản lý, để đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo phân cấp; chỉ đạo thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, dữ liệu được phê duyệt bằng ký số.

b) Trong thời hạn 05 ngày cuối hằng tháng, Giám đốc Sở Nội vụ hoặc người được ủy quyền có trách nhiệm phê duyệt bằng ký số dữ liệu của tỉnh đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

4.6. Khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động của tỉnh

a) Sở Nội vụ sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh để tổng hợp, phân tích đội ngũ CBCCVC-NLĐ, tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm và các nội dung khác thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Nội vụ, phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh lên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định tại Quy chế này và Thông tư số 06/2023/TT-BNV.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương được khai thác, sử dụng dữ liệu tổng hợp, phân tích chung dữ liệu về CBCCVC-NLĐ của cơ quan, đơn vị, địa phương trong Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh theo phân cấp quản lý. Các dữ liệu này được chia sẻ mặc định từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh theo phân cấp để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành theo chức năng, nhiệm vụ.

c) CBCCVC-NLĐ được khai thác dữ liệu của mình; được truy cập, nghiên cứu, sử dụng và khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh khi được cơ quan có thẩm quyền quản lý CBCCVC-NLĐ đồng ý bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

d) Dữ liệu CBCCVC-NLĐ khi được xuất theo định dạng văn bản điện tử, được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật thì văn bản điện tử đó có giá trị pháp lý như bản gốc văn bản giấy.

4.7. Cách thức sử dụng, khai thác dữ liệu

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu

CBCCVC-NLĐ của tỉnh bằng tài khoản được cấp tại địa chỉ <https://qlhscbccvc.camau.gov.vn>

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng, khai thác dữ liệu của cơ quan, đơn vị, địa phương mình bằng việc sử dụng tài khoản do Sở Nội vụ cung cấp để đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh thông qua địa chỉ <https://qlhscbccvc.camau.gov.vn>.

c) CBCCVC-NLĐ sử dụng, khai thác dữ liệu cá nhân bằng việc sử dụng tài khoản cá nhân đã được cấp để đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh thông qua địa chỉ <https://qlhscbccvc.camau.gov.vn>.

4.8. Lưu trữ Cơ sở dữ liệu

a) Dữ liệu CBCCVC-NLĐ được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh theo phân cấp quản lý và được Sở Nội vụ tổ chức thực hiện sao lưu định kỳ theo quy định để dự phòng rủi ro.

b) Việc lưu trữ, sao lưu phải tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật về lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước, cơ yếu, bảo vệ bí mật thông tin cá nhân, an toàn, an ninh thông tin.

4.9. Chuyển giao, tiếp nhận dữ liệu

a) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác (*gọi chung là thay đổi công tác*) đến cơ quan, đơn vị khác của Nhà nước mà không thuộc thẩm quyền quản lý dữ liệu CBCCVC-NLĐ của cơ quan đang công tác thì thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Thông tư số 06/2023/TT-BNV.

b) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có quyết định thay đổi công tác đến bộ phận mới trong cùng đơn vị, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực, đơn vị có trách nhiệm chuyển hồ sơ trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh đến bộ phận mới.

c) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thay đổi công tác theo quy định tại điểm a, khoản này; chuyển công tác ra khỏi cơ quan, đơn vị của Nhà nước; nghỉ hưu; thôi việc; qua đời thì dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức đó vẫn phải được lưu trữ tại thư mục riêng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh.

4.10. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

a) Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh được kết nối, chia sẻ theo quy định kỹ thuật về cấu trúc, định dạng dữ liệu, gói tin, kết nối, chia sẻ dữ liệu do Bộ Nội vụ ban hành.

b) Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu CBCCVC-NLĐ của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (*sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước*) bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của

Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

c) Cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp sử dụng CBCCVC-NLĐ thực hiện ký số phê duyệt hồ sơ CBCCVC-NLĐ thuộc thẩm quyền quản lý trước khi đồng bộ dữ liệu của cơ quan, đơn vị, địa phương lên Cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo quy định tại Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 142/2026/QĐ-UBND ngày 12/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4.11. Tổ chức thực hiện: Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động; trách nhiệm của công chức được giao thực hiện công tác quản lý Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động của tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức được giao thực hiện công tác quản lý dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động của cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động; trách nhiệm của Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh, được quy định cụ thể từ Điều 13 đến Điều 18 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 142/2026/QĐ-UBND ngày 12/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành, Sở Tư pháp xin thông báo (gửi kèm Quyết định số 142/2026/QĐ-UBND)/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin PBGDPL tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp (để đăng tải);
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, PBGDPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Thị Ngọc